

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2014

|                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |             |
| ĐẾN                              | Số: 5       |
|                                  | Ngày: 27/10 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng dấu và Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng dấu;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 05/2013/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-TT-BCA ngày 5 tháng 02 năm 2010 của Bộ Công an Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng dấu và Nghị định số 31/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng dấu;

Căn cứ Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật quản lý thuế về đăng ký thuế;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 535/TTr-KHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp liên ngành trong giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế và cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lml*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Các sở, ban ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Website An Giang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình AG;
- Báo An Giang;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*ell*  
**Võ Anh Kiệt**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp liên ngành trong giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong thực hiện cơ chế phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Công an tỉnh về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế (mã số thuế đồng thời là mã số doanh nghiệp) và đăng ký mẫu dấu đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu khi thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo Quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý thuế;

2. Cán bộ, công chức ngành Kế hoạch và Đầu tư, Công an, Thuế trong quá trình thực thi nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu.

### **Điều 3. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu**

1. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp là một trong các Giấy chứng nhận sau:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện;

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký mẫu dấu bao gồm:

a) Con dấu;

b) Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu;

3. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký thuế là mã số thuế trên Giấy chứng nhận quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ ĐĂNG KÝ MẪU DẤU**

#### **Điều 4. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu**

##### **1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế**

a) Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp:

Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ đối với từng loại hình doanh nghiệp theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23, 24 tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.

b) Đối với trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh:

Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Điều 33 tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.

c) Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm các giấy tờ, theo quy định tại Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47 tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp.

##### **2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận mẫu dấu**

a) Đối với doanh nghiệp thành lập mới:

Bộ hồ sơ là một trong những giấy tờ sau:

- Bản in Giấy chứng nhận đăng ký điện tử;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

b) Đối với doanh nghiệp đăng ký thay đổi bổ sung nội dung đã đăng ký:

Bộ hồ sơ đầy đủ bao gồm:

- Văn bản đề nghị đổi dấu của doanh nghiệp;
- Một trong những giấy tờ sau:
  - + Bản in Giấy chứng nhận đăng ký điện tử;
  - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh;
  - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện.

**Điều 5. Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả và thời gian trả kết quả đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu**

1. Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư là nơi đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định tại Quy chế này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (trong đó, 04 ngày giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp và 01 ngày giải quyết thủ tục khắc dấu), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trả kết quả, gồm: cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; con dấu và Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp (nếu có).

**Điều 6. Lệ phí giải quyết thủ tục hành chính**

Tổ chức, cá nhân khi đăng ký doanh nghiệp, đăng ký mẫu dấu phải nộp lệ phí theo Thông tư số 176/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp và Thông tư số 193/2010/TT-BTC ngày 2/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu.

Cụ thể:

- Lệ phí cấp mới, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc tiêu hủy là 100.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp 100.000 đồng/lần.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu là 50.000 đồng/lần.

### **Chương III**

## **CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **Điều 7. Quy trình phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp**

#### **1. Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp**

Trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để tạo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển thông tin cho Tổng cục Thuế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cục thuế có trách nhiệm phối hợp Tổng cục Thuế tạo mã số doanh nghiệp và chuyển mã số doanh nghiệp sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

#### **2. Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia để tạo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chuyển Cục Thuế.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cục thuế có trách nhiệm tiến hành xác nhận thông tin thay đổi, bổ sung trên Hệ thống thông tin đăng ký thuế và chuyển sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để trả kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

### **Điều 8. Quy trình phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký mẫu dấu**

1. Trong cùng ngày kể từ ngày ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (trước 17 giờ hàng ngày) thông báo đến cơ sở làm con dấu. Cơ sở làm con dấu phải hoàn thành việc làm con dấu và chuyển cho Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh kiểm tra, đăng ký trước 10 giờ ngày hôm sau.

2. Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm kiểm tra, đăng ký để cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp và chuyển lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ sở làm dấu trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở làm con dấu chuyển cho Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Cơ sở làm dấu có trách nhiệm chuyển lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trước 16 giờ cùng với ngày

Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội trả kết quả cho cơ sở làm dấu.

4. Trong quá trình thực hiện nếu trả kết quả không đúng thời gian theo quy chế này thì cán bộ trực tiếp thực hiện của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Cục Thuế, Công an tỉnh thông báo nhanh (điện thoại) cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan biết đồng thời có văn bản trả lời từng trường hợp cụ thể.

**Điều 9.** Phối hợp hướng dẫn đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mẫu mới, dấu không đúng mẫu quy định; cấp lại Giấy chứng nhận mẫu dấu quá 5 năm và đăng ký kê khai thuế theo quy định.

Cơ quan phối hợp tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp ban đầu khi phát hiện doanh nghiệp chưa thực hiện đăng ký thuế, dấu không đúng mẫu theo quy định và Giấy chứng nhận mẫu dấu quá 5 năm, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa đúng theo quy định, có trách nhiệm hướng dẫn chứng nhận đăng ký doanh nghiệp làm thủ tục thay đổi theo thứ tự như sau: Đăng ký thuế - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Đăng ký đổi dấu.

**Điều 10.** Phối hợp rà soát số liệu doanh nghiệp giữa các cơ quan phối hợp.

Định kỳ 03 tháng vào tuần thứ hai cơ quan đăng ký kinh doanh gửi danh sách doanh nghiệp thành lập; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; doanh nghiệp chưa nhận kết quả đến ngày cuối tháng cho Công an tỉnh để đối chiếu lại danh sách doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký mẫu dấu và Cục thuế để đối chiếu lại danh sách doanh nghiệp đã phân công quản lý thuế.

Đối với số liệu còn chênh lệch giữa các cơ quan phối hợp thì cơ quan đăng ký kinh doanh chủ trì tổ chức làm việc xử lý từng trường hợp cụ thể.

Đối với trường hợp không nhận kết quả đăng ký doanh nghiệp trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện thì cơ quan đăng ký kinh doanh lập danh sách và ra Quyết định về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện gửi đến cơ quan công an và Cục thuế. Đồng thời gửi trả con dấu và Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (nếu có) cho Công an tỉnh. Căn cứ danh sách của cơ quan đăng ký kinh doanh ra Quyết định về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện thì Công an tỉnh thực hiện thủ tục hủy dấu và Cục thuế thực hiện thủ tục đóng mã số thuế theo quy định.

**Điều 11.** Phối hợp đồng bộ thông tin doanh nghiệp hệ thống giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục thuế.

1. Trường hợp: Doanh nghiệp đã có trong cơ sở dữ liệu đăng ký thuế và đã có trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh nhưng thông tin về doanh nghiệp không khớp nhau trong hệ thống của 2 ngành: Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm làm đầu mối liên hệ, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện đối chiếu và

điều chỉnh thông tin sai lệch. Việc thông báo thông tin sai lệch của doanh nghiệp được thực hiện theo phương thức thông báo công khai trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi thông báo trực tiếp tới doanh nghiệp. Sau khi đối chiếu thông tin sai lệch, mọi thay đổi thông tin của doanh nghiệp được thực hiện đúng theo quy trình đăng ký thông tin thay đổi quy định tại quy trình này nhằm đảm bảo thông tin về doanh nghiệp được đồng bộ, thống nhất giữa hai hệ thống.

2. Trường hợp: Doanh nghiệp đã có trong cơ sở dữ liệu đăng ký thuế nhưng chưa có trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh:

Nếu doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thể hiện bằng bản giấy) nhưng không được lưu trữ, hoặc không có trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng trong cơ sở dữ liệu về đăng ký thuế đã có dữ liệu của doanh nghiệp này thì Cục thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chuyển toàn bộ thông tin về doanh nghiệp cho Bộ Kế hoạch và đầu tư để Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh điều tra, rà soát lại thông tin của doanh nghiệp, thực hiện bổ sung thông tin vào hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia.

Nếu doanh nghiệp chưa từng đăng ký kinh doanh, nhưng lại có trong cơ sở dữ liệu về đăng ký thuế thì Cục thuế đề nghị Tổng Cục thuế chuyển toàn bộ thông tin về doanh nghiệp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời ra thông báo yêu cầu các doanh nghiệp này phải đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp: Doanh nghiệp đã có trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh nhưng chưa có trong cơ sở dữ liệu đăng ký thuế

Nếu doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh và đã có trong cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh và doanh nghiệp cũng đã từng đăng ký thuế và đã được cấp mã số thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế, nhưng dữ liệu về doanh nghiệp không có trong cơ sở dữ liệu của thuế thì Cục thuế thông báo lên Tổng Cục thuế để được hỗ trợ xử lý trường hợp này.

Nếu doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh và đã có trong cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh, nhưng doanh nghiệp chưa từng đăng ký thuế và chưa có mã số thuế thì Phòng Đăng ký kinh doanh xác định nếu doanh nghiệp thực tế vẫn đang hoạt động thì thông báo doanh nghiệp bổ sung thông tin đăng ký thuế. Phòng Đăng ký kinh doanh nhập bổ sung thông tin đăng ký thuế vào hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và truyền thông tin doanh nghiệp sang hệ thống đăng ký thuế theo quy trình đăng ký mới doanh nghiệp quy định tại quy trình này.

**Điều 12.** Phối hợp khi hệ thống thông tin tạm thời không truy cập, khai thác

Nếu hệ thống thông tin cơ quan nào tạm thời không truy cập, khai thác phải kịp thời thông báo cho cơ quan bên phối hợp biết về nguyên nhân cũng như thời gian dự kiến khắc phục sự cố. Đồng thời có văn bản trả lời nếu cơ quan bên phối hợp có yêu cầu bằng văn bản.

Trong trường hợp không thể giải quyết các thủ tục hành chính đúng thời gian quy định, thì các cơ quan liên quan phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do chậm giải quyết để Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo kịp thời đến doanh nghiệp.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai Quy chế này.

2. Cục Thuế, Công an tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thuế và đăng ký mẫu dấu theo đúng thời gian quy định tại Quy chế này.

3. Mỗi cơ quan cử 01 cán bộ và 01 lãnh đạo Phòng làm đầu mối để đảm bảo thực hiện tốt Quy chế này.

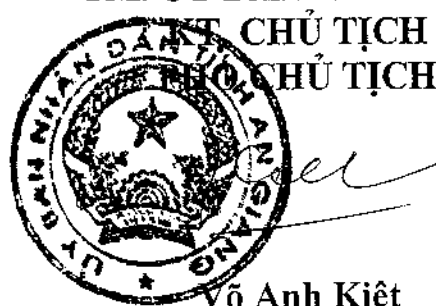
4. Cục Thuế, Công an tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về những thay đổi trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành của cơ quan nhà nước cấp trên liên quan đến việc thực hiện Quy chế này.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện Quy chế này, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương những vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo việc tuyên truyền nội dung của quy định này trên hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Võ Anh Kiệt**